

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DÉ LI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DÉ LI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DÉ LI COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DÉLI CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107144526

**3. Ngày thành lập:** 27/11/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 201A, phố Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1811        |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1812        |
| 3.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4669        |
| 4.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4690        |
| 5.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn hoa và cây                                                                                                                                                                                                                              | 4620(Chính) |
| 6.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; | 4773        |
| 7.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4791        |
| 8.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi;                                                                                                                                                                                                       | 4931        |
| 9.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;                                                                                                                                                                                                                                  | 4932        |
| 10. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)                                                                                                                                                                                                                              | 4933        |
| 11. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8230        |
| 12. | Giáo dục nghề nghiệp<br>Chi tiết: Dạy nghề                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8532        |
| 13. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9000        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9632        |
| 15. | Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                    | 9633        |
| 16. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7310        |
| 17. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7320        |
| 18. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                             | 7410        |
| 19. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7710        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức        | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ(%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HÀ THÙY DUNG        | Số 102, phố Ba Mỏ, Thị trấn Thanh Sơn, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam              | 1.200.000.000         | 60,00    | 131399441                                                                                                                                         |         |
| 2   | ĐẶNG THỊ NGUYỆT ANH | P215 - C3, đường Hoàng Ngọc Phách, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 800.000.000           | 40,00    | 001179001396                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: HÀ THÙY DUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 23/06/1987

Dân tộc: Mường

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 131399441

Ngày cấp: 08/06/2004

Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 102, phố Ba Mỏ, Thị trấn Thanh Sơn, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 201A, phố Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội